

**NGHỊ ĐỊNH số 338-TTg ngày 27 tháng 7 năm 1957 ban hành bản điều lệ tạm thời về huy động và sử dụng dân công trong thời kỳ kiến thiết hòa bình.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Đề bảo đảm thực hiện những công cuộc kiến thiết có lợi ích chung cho nhân dân;*

*Theo đề nghị của Bộ Lao động;*

*Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,*

**NGHỊ ĐỊNH :**

**Điều 1.**— Nay ban hành bản điều lệ tạm thời về huy động và sử dụng dân công trong thời kỳ kiến thiết hòa bình, kèm theo nghị định này.

**Điều 2.**— Các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng — Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc, Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bru điện, Bộ trưởng Bộ Tài chính và các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính khu, tỉnh và thành phố chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 1957*

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**ĐIỀU LỆ TẠM THỜI số 339-TTg  
VỀ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG DÂN CÔNG  
TRONG THỜI BÌNH**

Trong thời kỳ kháng chiến, nhân dân ta đã từng chịu đựng gian khổ, hăng hái làm nghĩa vụ dân công, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Từ ngày hòa bình lập lại, một số lớn công trình giao thông, thủy lợi và một số công tác khác đã được hoàn thành, cũng nhờ sự đóng góp sức lực của nhân dân.

Trong công cuộc khôi phục và kiến thiết kinh tế, Nhà nước còn phải dựa vào nhân dân để làm công việc ích lợi cho nhân dân.

Vi vậy mỗi người công dân có nghĩa vụ phải đi dân công, hăng hái công tác, thi đua tăng năng suất lao động, bảo đảm hoàn thành nhanh, tốt và rẻ những công trình kiến thiết của Nhà nước.

Lễ bảo đảm việc thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất và để giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, cho thích hợp với thời kỳ kiến thiết hòa bình, từ nay :

— Huy động dân công chủ yếu là để làm một số công tác nhất định về thủy lợi, giao thông và vận tải;

— Thời gian đi dân công hàng năm có hạn định ;

— Dân công tình nào làm việc ở tỉnh ấy hoặc ở những tỉnh lân cận,

— Chế độ làm việc của dân công chủ yếu là làm khoán.

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ ĐI DÂN CÔNG**

**Điều 1.**— Tất cả công dân Việt nam, đàn ông từ mười tám đến năm mươi tuổi, đàn bà từ mười tám đến bốn mươi năm tuổi đều có nghĩa vụ đi dân công.

**Điều 2.**— Đề bảo đảm thực hiện các kế hoạch kiến thiết của Nhà nước, mà không trở ngại đến sự thực hiện kế hoạch sản xuất của các ngành và sự hoạt động của bộ máy chính quyền đồng thời bảo đảm sự thực hiện các chính sách chiếu cố của Chính phủ đối với một số người, những người sau đây được miễn, tạm miễn hoặc tạm hoãn đi dân công :

**A. — Được miễn đi dân công :**

— Ủy viên thường trực Ủy ban Hành chính xã, thị trấn,

— Thư ký văn phòng Ủy ban Hành chính xã, thị trấn,

— Giao thông, liên lạc xã, thị trấn,

— Trưởng ban thống kê xã, thị trấn,

— Cán bộ y tế, nữ hộ sinh nếu ở xã, thị trấn chỉ có một cán bộ y tế, một nữ hộ sinh,

— Thương binh,

— Vợ hay chồng người thương binh tàn phế nếu người thương binh phải sống nhờ vào vợ hay chồng,

— Cán bộ và nhân viên Chính phủ, giáo viên các trường công, trường dân lập, trường tư.

— Công nhân và lao động đang làm việc trong các xí nghiệp Nhà nước (xí nghiệp, hầm mỏ, công trường, nông trường, lâm trường) và các xí nghiệp tư nhân,

— Những người làm nghề tôn giáo chuyên nghiệp như : mục sư, linh mục, tu sĩ, có mục, sư, chức sắc, thầy mó (vùng thiều số),

— Người tàn tật hoặc có bệnh kinh niên không thể làm được việc nặng.

**B. — Được tạm miễn đi dân công :**

— Giáo viên Bình dân học vụ đang dạy học.

— Bộ đội phục viên về xã chưa được một năm.

0967721

Tel: +84-8-3845-6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft

— Cán bộ, nhân viên Chính phủ ra ngoài biên chế, trở về xã chưa được một năm.

— Đồng bào miền Nam ra Bắc đi sản xuất tự túc chưa được một năm.

— Học sinh các trường công và tư.

— Phụ nữ có thai.

— Đàn bà nuôi con nhỏ chưa được một năm. Trong trường hợp đứa con chưa bỏ bú, gia đình không có người trông nom thì người mẹ có thể được tạm miễn đến một năm rưỡi.

### C. — Được tạm hoãn đi dân công:

— Người trực tiếp làm nghề thủ công đã ký hợp đồng sản xuất với Mậu dịch quốc doanh được tạm miễn trong thời gian thi hành hợp đồng.

— Người đánh cá, làm muối trong thời vụ đánh cá, làm muối.

— Người sơn tràng trong khi đang làm cho một kế hoạch của Nhà nước.

— Người được nhân dân bình nghị công nhận là lao động chính duy nhất để nuôi sống cả gia đình gồm những người già, trẻ con hoặc người tàn tật.

## CHƯƠNG II

### NHỮNG VIỆC ĐƯỢC SỬ DỤNG DÂN CÔNG

Điều 3. — Được huy động dân công để làm những công tác sau đây:

1) Công tác thủy lợi gồm có: đê điều (đê sông và đê biển) công trình đại và trung thủy nông.

Trong việc làm đê điều và thủy nông, được coi là đi dân công, những người làm những công việc thuộc về khảo sát, xây dựng những công trình mới hoặc sửa chữa những công trình bị hư hỏng lớn.

Không coi là đi dân công những người làm những công tác ở địa phương như: chống lụt, chống hạn, chống bão, chống úng thủy, những việc thuộc về bảo vệ, sửa chữa thường xuyên những quãng đê, những nông giang, những việc về tiền thủy nông trong phạm vi một xã. Mỗi khi xét cần thiết làm những công việc này thì chính quyền và các đoàn thể địa phương động viên nhân dân tự nguyện ra làm.

Khi cần tu sửa những đê bao quanh thành phố thì huy động nhân dân thành phố ra làm. Nếu lực lượng nhân dân thành phố không đủ thì huy động thêm dân công ở các xã lân cận đến làm.

2) Công tác về giao thông gồm có: làm mới và tu sửa các đường giao thông liên huyện, hàng tỉnh, liên tỉnh và đường quốc lộ. Công việc sửa chữa những đường giao thông bị mưa, bão hay nước lũ làm sụt, lở, cắt đứt.

3) Công tác vận tải tiếp tế cho bộ đội ở những vùng rừng núi không thể dùng được những phương tiện vận tải như ô tô, thuyền, xe trâu, ngựa thồ và không thể thuê mượn được nhân công.

4) Những công tác đặc biệt được Thủ tướng phủ cho phép dùng dân công.

Đối với miền núi, ngoài những công việc quy định chung trên đây, có thể được huy động dân công để làm thêm các việc như sau: công tác liễu thủy nông, làm mới và tu sửa các đường giao thông liên xã và hàng huyện hoặc châu; công tác khảo sát cầu đường; giúp việc khai vét lòng sông để tiện việc giao thông đường thủy; làm công tác xây dựng trường học, bệnh viện, chợ và nhà cửa của cơ quan Nhà nước từ cấp huyện hoặc châu trở lên, trong trường hợp thiếu nhân công.

## CHƯƠNG III

### NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI ĐI DÂN CÔNG

Điều 4. — Mỗi người mỗi năm đi dân công làm việc trên các công trường ba mươi ngày, không tính ngày đi, ngày về và ngày nghỉ.

Điều 5. — Sau chín ngày làm việc liên tiếp dân công được nghỉ một ngày. Mỗi ngày dân công làm việc chín giờ. Ở miền núi, về mùa đông hoặc trong trường hợp phải làm việc trên đèo cao hoặc làm việc xa nơi ở, thì có thể làm việc tám giờ một ngày.

Điều 6. — Trên công trường, dân công phải tôn trọng kỷ luật lao động, chăm chỉ làm việc, bảo đảm số lượng và chất lượng công tác. Dân công phải phục tùng tổ chức lãnh đạo, tôn trọng và bảo vệ của công, không xâm phạm đến tài sản của nhân dân, giữ bí mật quốc gia, đề phòng phá hoại.

Điều 7. — Dân công được tham gia ý kiến và sự tổ chức làm việc và tổ chức đời sống công trường.

Điều 8. — Dân công tỉnh nào làm việc trong phạm vi lĩnh ấy.

Đối với miền núi, dân công huyện hoặc châu nào làm việc trong phạm vi huyện hoặc châu ấy.

Gặp trường hợp tỉnh hay huyện, châu thiếu dân công hoặc công trình làm có lợi chung cho hai ba tỉnh hay hai ba huyện, châu tiếp giáp nhau, thì Ủy ban Hành chính khu, tỉnh sẽ huy động dân công những tỉnh, huyện, châu lân cận cùng làm.

Điều 9. — Khi đến làm việc ở công trường, dân công phải đem theo dụng cụ làm việc của mình; các cơ quan sử dụng dân công phải thông tri cho xã biết để báo cho dân công chuẩn bị chu đáo trước khi đến công trường. Những dụng cụ của

công trường giao cho dân công, nếu vì không giữ gìn cẩn thận mà để mất mát hoặc hư hỏng nặng, thì dân công phải đền.

**Điều 10.**— Chế độ làm việc của dân công trên công trường chủ yếu là làm khoán; trừ một vài việc không thể giao khoán được thì mới giao làm công nhật.

Làm khoán có hai hình thức:

1) Giao khoán cho xã: tức là công trường giao cho xã một khối lượng công tác, định thời gian phải hoàn thành và định số tiền thù lao, để cho xã bố trí dân công làm tốt khối lượng công tác ấy. Nếu làm xong trước thời hạn, đúng chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật, thì dân công được về trước, được coi như đã làm đủ số ngày công và được hưởng toàn bộ số tiền thù lao đã định.

2) Giao khoán tại công trường: tức là công trường giao cho từng đơn vị dân công một khối lượng công tác, định thời gian phải hoàn thành và định số tiền thù lao. Nếu dân công làm xong trước thời hạn, đúng chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật, thì dân công được về trước, được coi như đã làm đủ số ngày công và được hưởng toàn bộ số tiền thù lao đã định.

Khi nhận khoán, Ủy ban Hành chính xã hay ban chỉ huy đơn vị dân công phải ký giao kèo với ban chỉ huy công trường.

Khi dân công làm việc ở công trường, Ủy ban Hành chính xã có trách nhiệm trong việc tổ chức và lãnh đạo dân công thi đua tăng năng suất để bảo đảm thực hiện số lượng và chất lượng công tác trong thời hạn đã định.

Nếu xã hoặc dân công không thực hiện công tác đúng yêu cầu và tiêu chuẩn đã định mà phải làm thêm ngày để làm cho đủ hoặc làm lại, thì trách nhiệm thuộc về xã hoặc dân công, công trường không trả thêm thù lao.

Nếu công việc phải làm lại vì công trường thay đổi kế hoạch, hướng dẫn sai về kỹ thuật hoặc vì một lý do nào khác mà dân công không chịu trách nhiệm, thì dân công được trả thù lao về những ngày làm thêm.

**Điều 11.**— Thù lao cho dân công nhận khoán tính theo khối lượng công tác đã làm được.

Tiền công một đơn vị khối lượng công tác (ví dụ một thước khối đất, một thước vuông đường rải đá, một tấn cây số hàng chuyên vận, v.v...) do công trường ấn định căn cứ vào:

1) Năng suất trung bình của một người lao động trung bình trong một ngày thực hiện nhiệm vụ công tác theo đúng các tiêu chuẩn do cơ quan sử dụng đề ra.

2) Thù lao ấn định mỗi ngày cho mỗi loại dân công: 600 đồng cho dân công thường; 800

đồng cho dân công vận tải và từ 800 đồng đến 1.000 đồng cho dân công thợ được sử dụng đúng nghề, tùy theo khả năng chuyên môn.

3) Các khoản chi phí về công gián tiếp (ví dụ thù lao cho cán bộ chỉ huy, y tá, cấp dưỡng v.v...). Cán bộ công trường và cán bộ dân công phải tổ chức và động viên dân công làm vượt mức năng suất vừa để bảo đảm công tác, vừa để cho dân công được hưởng thêm tiền thù lao.

Chỉ khi nào gặp một công tác không thể tính khối lượng một cách cụ thể thì mới dùng cách chấm công để trả thù lao theo công nhật.

Tiền thù lao công nhật ấn định là:

— 600 đồng một ngày cho dân công thường.

— 800 đồng một ngày cho dân công vận tải, tiếp tế cho bộ đội ở miền rừng núi.

— từ 800 đồng đến 1.000 đồng một ngày cho dân công thợ được sử dụng đúng nghề, tùy theo khả năng chuyên môn.

Tuy làm công nhật, dân công cũng phải bảo đảm chất lượng và số lượng công tác hàng ngày do công trường ấn định.

Những ngày nghỉ thường lệ, nghỉ lễ, nghỉ vì bị thương, bị ốm, vì chờ đợi việc, vì mưa bão, lụt, dân công thường và dân công thợ được thù lao 600 đồng một ngày, dân công vận tải tiếp tế cho bộ đội ở miền rừng núi được thù lao 800 đồng một ngày. Ở những công trường mà dân công sáng đi làm, tối về nhà thì không được thù lao trong những ngày nghỉ việc.

Những ngày đi đường từ xã đến công trường, từ công trường về xã dân công thường và dân công thợ được trả thù lao 600 đồng một ngày; dân công vận tải tiếp tế cho bộ đội ở miền núi được thù lao 800 đồng một ngày. Đi đường dưới 10 cây số, dân công không được tính thù lao; đi từ 11 đến 15 cây số được tính nửa ngày thù lao; đi từ 16 đến 30 cây số được tính một ngày thù lao; đi từ 31 đến 45 cây số được tính một ngày rưỡi; đi đường dài hơn nữa cứ thêm từ một đến 15 cây số thì được tính thêm một nửa ngày thù lao. Ở miền núi, có thể ước lượng chặng đường đi mà tính tiền thù lao: chặng đường đi chưa hết một nửa ngày thì không tính thù lao; đi trên một nửa ngày thì được tính một ngày thù lao; đi trên một ngày thì được tính một ngày rưỡi thù lao; đi trên một ngày rưỡi, thì được tính hai ngày thù lao.

**Điều 12.**— Trong thời gian làm việc ở công trường, dân công được nghỉ những ngày lễ sau đây:

— Ngày Quốc tế Lao động mừng 1 tháng 5 nghỉ một ngày.

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684

— Ngày lễ Quốc khánh mồng 2 tháng 9 nghỉ một ngày.

— Ngày Tết dương lịch mồng 1 tháng giêng nghỉ một ngày.

Không được huy động dân công trong ngày Tết nguyên đán. Nếu dân công đang làm ở công trường mà Tết đến thì tổ chức Tết tại công trường.

Dân công công giáo được nghỉ ngày lễ Thiên chúa giáng sinh 25 tháng 12.

Dân công phật giáo được nghỉ ngày lễ Phật đản mồng 8 tháng 4 âm lịch.

**Điều 13.** — Công tác bảo vệ sức khỏe cho dân công trên công trường chủ yếu là công tác phòng bệnh.

Ở những vùng khí hậu xấu, dân công được phát thuốc phòng bệnh sốt rét.

Dân công ốm thì được điều trị ở đơn vị, hoặc ở trạm xá của công trường. Nếu ở công trường không chữa được, thì dân công được đưa đến bệnh viện tỉnh. Tiền phí tổn cho người dân công nằm điều trị ở bệnh viện tỉnh do công trường đài thọ.

Dân công ốm có thể xin về gia đình điều trị. Dân công về gia đình điều trị, nếu có đề nghị của y tá hay ban chỉ huy đại đội thì sẽ được công trường tùy khả năng cấp cho một số thuốc dùng trong lúc đi đường.

Dân công ốm nằm điều trị tại công trường, nếu y tá hay ban chỉ huy đại đội đề nghị, thì ngoài tiền thù lao, được hưởng một khoản tiền bồi dưỡng ấn định là 150 đồng hay 300 đồng một ngày, tùy theo bệnh trạng.

Nếu người dân công chết thì công trường sẽ đài thọ tiền phí tổn về chôn cất.

**Điều 14.** — Dân công phụ nữ, trong những ngày hành kinh, được công trường xếp làm việc nhẹ, hoặc làm ít thì giờ, hoặc giảm bớt khối lượng công tác; nếu ở gần nhà thì có thể xin về nhà nghỉ trong những ngày ấy, sau đi làm bù.

**Điều 15.** — Trong khi làm việc, dân công bị tai nạn lao động phải được đưa vào trạm xá của công trường điều trị. Nếu công trường không có trạm xá, hoặc có mà không chữa được thì phải được đưa lên bệnh viện tỉnh.

Trong thời gian nằm ở trạm xá hoặc ở bệnh viện, dân công bị tai nạn lao động được săn sóc như công nhân của Chính phủ. Tiền phí tổn do công trường đài thọ.

Sau khi được chữa lành, nếu phải mang thương tật ảnh hưởng lớn đến khả năng lao động, thì người dân công được trợ cấp một số tiền.

Nếu người dân công bị chết vì tai nạn lao động thì công trường phải chôn cất chu đáo; gia đình người dân công bị nạn được trợ cấp một số tiền.

**Điều 16.** — Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh công tác, công trường có thể tổ chức cho dân công ở, ăn tập thể; hoặc sáng đi chiều về, nếu nhà ở gần công trường.

**Điều 17.** — Nếu dân công ở tập trung tại công trường thì được hưởng các khoản tập thể phí như: đầu đê thấp đèn, báo chí và giấy bút cần thiết cho cán bộ chỉ huy dân công làm việc.

Dụng cụ cấp dưỡng do dân công tự túc; công trường có thể tùy khả năng mà cho mượn một phần. Dân công có nhiệm vụ giữ gìn cẩn thận những dụng cụ cấp dưỡng do công trường cho mượn; nếu không giữ gìn để mất mát hay hư hỏng nặng thì phải đền.

**Điều 18.** — Những đơn vị và cá nhân dân công có thành tích xuất sắc trong công tác sẽ được khen thưởng.

## CHƯƠNG IV

### NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN ĐIỀU LỆ DÂN CÔNG

**Điều 19.** — Sau đây là nhiệm vụ cụ thể của những cơ quan có trách nhiệm về phân phối, huy động và sử dụng dân công.

— Ủy ban kế hoạch Nhà nước lập kế hoạch dân công theo nhu cầu công tác của các ngành có quyền sử dụng dân công.

— Căn cứ vào các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước, Bộ Lao động có nhiệm vụ cùng các ngành có quyền sử dụng dân công phân phối số dân công được huy động cho các khu và các tỉnh trực thuộc Trung ương; hướng dẫn, kiểm tra các địa phương và các cơ quan sử dụng dân công thực hiện đúng chính sách dân công; xét những đề nghị huy động dân công bất thường của các ngành, và trình Thủ tướng chính phủ duyệt.

— Ủy ban Hành chính khu và tỉnh có nhiệm vụ ra lệnh huy động dân công và duyệt các nhu cầu về dân công của các địa phương.

**Điều 20.** — Ủy ban Hành chính từ khu đến xã chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác dân công trong phạm vi địa phương mình, cụ thể có những nhiệm vụ sau đây:

— Quản lý dân công trong địa phương mình, cung cấp dân công đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng để đảm bảo thực hiện kế hoạch của các công trường;

— Phổ biến chính sách dân công, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách;

— Tổ chức và động viên dân công hăng hái làm việc;

— Cung cấp tài liệu, báo cáo tình hình dân công lên cấp trên;

Ủy ban Hành chính các cấp phải có cán bộ chuyên trách theo dõi việc huy động và sử dụng dân công.

**Điều 21.** — Ban chỉ huy công trường có nhiệm vụ:

— Bảo đảm thực hiện những điều khoản mà chính sách dân công đã quy định.

— Tổ chức, lãnh đạo và động viên dân công thi đua tăng năng suất để mau chóng hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời chăm lo đời sống của dân công.

— Giáo dục ý thức đề phòng tai nạn lao động và tổ chức việc đề phòng tai nạn lao động cho dân công.

— Kịp thời khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng những đơn vị và cá nhân dân công có thành tích xuất sắc trong công tác.

**Điều 22.** — Nếu có những khoản phải chi về quyền lợi của dân công chưa được thanh toán mà công trường đã giải tán, thì cơ quan trực tiếp phụ trách công trường đó chịu trách nhiệm thanh toán.

**Điều 23.** — Việc huy động dân công phải nhằm bảo đảm nhu cầu công tác đồng thời bảo đảm sản xuất của địa phương.

Ủy ban Hành chính xã phải nắm tình hình dân công ở xã mình để huy động những người có đủ sức khỏe và thích hợp cho từng loại công tác. Nếu huy động người ốm yếu không làm được việc mà công trường trả về thì Ủy ban Hành chính xã có nhiệm vụ bảo đảm số lượng dân công và lãnh đạo dân công thực hiện đầy đủ tiêu chuẩn và khối lượng công tác mà công trường đã giao cho. Phải huy động người khác đến thay thế.

Khi huy động dân công phải giải thích nghĩa vụ của nhân dân đối với việc đi dân công, động viên tinh thần tích cực làm tròn nhiệm vụ của dân công. Phải căn cứ vào hoàn cảnh sản xuất, hoàn cảnh gia đình của mỗi người mà huy động đúng theo bản điều lệ này không được định mức và giao mức theo lối làm việc quan liêu mệnh lệnh.

**Điều 24.** — Để tránh lãng phí thì giờ dân công không phải tập trung ở huyện và ở tỉnh trước khi đưa đến công trường, Ủy ban Hành chính xã có nhiệm vụ tổ chức dân công thành đội ngũ, cử cán bộ phụ trách đưa thẳng đến công trường.

## CHƯƠNG V

### ĐIỀU KHOẢN CHUNG

**Điều 25.** — Ủy ban Hành chính các Khu tự trị căn cứ vào bản điều lệ chung này và tình hình cụ thể của mỗi khu mà quy định những thể lệ riêng áp dụng cho từng khu, sau khi đã thảo luận thống nhất ý kiến với Bộ Lao động.

**Điều 26.** — Bộ Lao động chịu trách nhiệm giải thích và hướng dẫn việc thi hành điều lệ này.

Ban hành kèm theo nghị định số 338-TTg  
ngày 27 tháng 7 năm 1957

Hà nội, ngày 27 tháng 7 năm 1957

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

## CÁC BỘ

### BỘ NỘI VỤ

**NGHỊ ĐỊNH số 484-NV/DC/ND ngày 20-7-1957 cho phép thành lập Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt nam.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Chiều luật số 102-SL/L004 ngày 20-5-1957 quy định quyền lập hội;

Chiều nghị định số 258-TTg ngày 14-6-1957 quy định chi tiết thi hành luật số 102-SL/L004 nói trên;

Chiều đơn ngày 27-5-1957 của « Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt nam » và bản điều lệ của Hội ấy;

Sau khi đã hỏi ý kiến Bộ Văn hóa,

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — « Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt nam » được phép thành lập và hoạt động trong phạm vi luật lệ hiện hành và điều lệ của Hội đã duyệt định theo nghị định này.

**Điều 2.** — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Dân chính Bộ Nội vụ, ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố Hà nội chiếu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 20 tháng 7 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

## NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM

**NGHỊ ĐỊNH số 348-NĐ-NH ngày 20-7-1957 thành lập ba Phòng Doanh nghiệp ngân hàng Cổ lẽ, chợ Cồn và chợ Gỏi trực thuộc Chi nhánh ngân hàng Nam định.**

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

Chiều sắc lệnh số 15-SL ngày 6 tháng 5 năm 1951 thiết lập Ngân hàng Quốc gia Việt nam;